

Số: 1410/QĐ-CAT-PC08

Nghệ An, ngày 13 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỶ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số: 1019 thí sinh hạng B, CE (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 16 và 17/3/2026 tại Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Nghệ An, địa chỉ: xã Vạn An, tỉnh Nghệ An (có mã QR kèm theo).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Trung tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông Đặng Thanh Thương, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Nghệ An, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc (để báo cáo)
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC08(Lực)



[Handwritten signature]

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá Nguyễn Đức Cường

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: ~~110~~110/QĐ-CAT-PC08 ngày 13/3/2026 của Công an tỉnh)

TT	CẤP BẬC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Trung tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Kèm theo Quyết định số: 1410/QĐ-CAT-PC08 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Công an tỉnh Nghệ An)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	NGUYỄN VĂN AN	02/05/2002	*****21	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	001153
2	HOA THỊ AN	26/01/1974	*****38	Xã Quý Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00389
3	THÁI HẢI AN	02/09/2000	*****60	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		007925
4	LÊ VĂN AN	04/03/1994	*****73	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007536
5	ĐẶNG HẢI AN	15/01/2005	*****22	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		00259
6	TRẦN NGỌC AN	20/10/1999	*****70	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00288
7	HOÀNG CÔNG ANH	12/08/1978	*****64	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004354
8	VŨ THỊ HỒNG ANH	05/07/1999	*****82	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006660
9	PHẠM ĐỨC ANH	02/01/2001	*****41	Xã Quý Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005585
10	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	22/02/1997	*****09	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007202
11	QUANG TUẤN ANH	01/10/1994	*****67	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		006170
12	HỒ TUẤN ANH	28/11/1992	*****57	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		006724
13	NGUYỄN THẾ ANH	04/01/2002	*****4	Xã Đức Hợp, Tỉnh Hưng Yên	x		007473
14	LÊ THỊ LAN ANH	02/09/1996	*****46	Xã Tiên Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007611
15	NGUYỄN THIỆN HOÀNG ANH	11/07/2006	*****19	Xã Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x		00620
16	HOÀNG NGỌC ANH	08/01/1998	*****61	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006393

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
17	CAO THẾ ĐỨC ANH	10/10/2001	*****30	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00530
18	ĐÀO ĐỨC ANH	10/11/2006	*****84	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00538
19	LÊ TUẤN ANH	12/12/1995	*****31	Xã Mai Phụ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00275
20	HỒ SỸ TUẤN ANH	20/05/1993	*****10	Xã Trường Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00289
21	TRƯƠNG VĂN ANH	20/11/1989	*****49	Xã Cẩm Lạc, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	41140
22	NGUYỄN THỊ ÁNH	06/04/1997	*****38	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	0094
23	NGUYỄN VĂN ÁNH	10/04/1990	*****58	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00140
24	TRẦN VIỆT ÁNH	15/07/1988	*****76	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00634
25	LUYỆN THÀNH BAN	27/10/1986	*****17	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00194
26	LẠI THÁI BẢO	21/05/1990	*****41	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		007238
27	VÕ VĂN BẢO	17/02/2006	*****15	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00628
28	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	12/07/1992	*****55	Xã Kỳ Vãn, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	0029
29	VÕ HỒNG BẢO	29/07/1985	*****51	Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00635
30	Nguyễn Khắc Bảo	03/05/1997	*****18	Xã Hương Bình, Tỉnh Hà Tĩnh	x		
31	LÊ TRẦN BẢY	24/04/1994	*****50	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40533
32	NGUYỄN VĂN BẮC	17/07/1999	*****06	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00193
33	TRẦN THỊ NGỌC BÉ	06/11/2001	*****55	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003755

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
34	CHU ĐÌNH BÉ	09/05/1982	*****20	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	001
35	TRẦN THỊ BÍCH	12/08/1994	*****94	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007728
36	PHẠM HỒNG BIÊN	05/10/1988	*****19	Xã Phúc Trạch, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00290
37	PHẠM VĂN BÌNH	10/07/1979	*****63	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007583
38	NGUYỄN THỊ BÌNH	03/08/1990	*****85	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007335
39	NGUYỄN THỊ BÌNH	26/11/1982	*****60	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007397
40	CHU THỊ BÌNH	12/06/1992	*****32	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	0095
41	NGUYỄN THỊ BÌNH	21/03/2000	*****27	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		007777
42	LÊ VĂN BÌNH	18/02/1982	*****13	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007452
43	LÊ VĂN BƯỚC	03/06/1992	*****26	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		007707
44	LÊ VĂN CA	03/06/2000	*****38	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007959
45	TRẦN VĂN CAO	06/08/1989	*****34	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005947
46	NGUYỄN VĂN CÂN	20/12/2001	*****62	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		002589
47	LIU VĂN CÔNG	10/12/1989	*****88	Xã Thanh Liêm, Tỉnh Ninh Bình	x	A1	006346
48	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	15/05/1994	*****95	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		004988
49	NGUYỄN TIẾN CÔNG	30/05/1986	*****01	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		006775
50	NGUYỄN VĂN CÔNG	16/08/1991	*****03	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	005173

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
51	NGUYỄN SỸ KHẮC CÔNG	11/08/2001	*****82	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005707
52	NGUYỄN THỊ CÔNG	07/08/1990	*****84	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		0069
53	TRẦN THÁI CÔNG	10/05/1981	*****28	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007056
54	TRẦN VĂN CÔNG	03/03/1992	*****24	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007682
55	HOÀNG CẢNH CÔNG	21/10/1989	*****19	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00164
56	PHẠM XUÂN CÔNG	23/03/2002	*****10	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00570
57	NGUYỄN VĂN CÔNG	06/09/1993	*****05	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	0030
58	VŨ XUÂN CÔNG	11/09/1995	*****03	Phường Trúc Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00195
59	NGUYỄN VĂN CÔNG	23/11/1995	*****36	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40146
60	NGUYỄN VĂN CÔNG	20/03/1993	*****39	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41141
61	NGUYỄN THỊ CÚC	21/06/1986	*****46	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00553
62	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	20/07/1988	*****98	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007057
63	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	10/03/1983	*****94	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		003601
64	THÁI VĂN CƯỜNG	07/05/1981	*****30	Xã Môn Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006983
65	TRƯƠNG TRUNG CƯỜNG	18/09/1981	*****96	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		007380
66	NGÔ SỸ CƯỜNG	19/08/1993	*****35	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		005953
67	LÊ VIẾT CƯỜNG	06/06/1986	*****60	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		007612

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
68	LÊ TRỌNG CƯỜNG	18/02/1988	*****82	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		0079
69	LUYỆN HỒNG CƯỜNG	05/04/1991	*****82	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007684
70	BÙI TỨ CƯỜNG	23/10/1968	*****67	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00531
71	HỒ SỸ CƯỜNG	20/10/1994	*****38	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00532
72	VÕ CAO CƯỜNG	22/04/1983	*****29	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00167
73	NGUYỄN CAO CƯỜNG	01/06/1976	*****16	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	002
74	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	25/08/1986	*****25	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00265
75	TRẦN VĂN CƯỜNG	02/09/1990	*****16	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00291
76	NGUYỄN CÔNG CƯỜNG	15/05/1995	*****10	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00637
77	TRẦN VĂN CƯỜNG	26/02/1994	*****71	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40998
78	NGUYỄN ĐẠI CƯỜNG	04/12/1985	*****88	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1 Cm	40537
79	LÊ VĂN CƯỜNG	20/10/1986	*****17	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40762
80	CHU VĂN CHÂN	08/07/1987	*****52	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006747
81	LÊ VĂN CHÁT	15/04/1988	*****06	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	x		006370
82	LÝ QUỲNH CHÂU	19/01/2003	*****25	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006741
83	NGUYỄN PHÚC CHÂU	10/07/1972	*****39	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		007825
84	PHAN VĂN CHÂU	20/11/1994	*****01	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00636

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
85	TRẦN THỊ QUỲNH CHI	30/04/2004	*****18	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007902
86	NGUYỄN THỊ CHI	20/07/1986	*****14	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		007901
87	PHAN THỊ KHÁNH CHI	01/05/2001	*****88	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00347
88	NGÔ VĂN CHIÊN	29/04/1997	*****39	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A.03	40569
89	LÊ VĂN CHIẾN	21/01/2007	*****17	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007778
90	TRƯƠNG VĂN CHIỀU	01/07/1983	*****12	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007055
91	PHẠM XUÂN CHÍN	11/05/1981	*****35	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40536
92	HOÀNG NGỌC CHINH	20/10/1993	*****23	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40997
93	NGÂN QUỐC CHỈNH	03/02/2007	*****75	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		007525
94	TRƯƠNG CÔNG CHÍNH	05/02/2001	*****14	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007708
95	NGUYỄN CÔNG CHÍNH	24/10/1995	*****66	Phường Hoành Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00701
96	HỒ VĂN CHÍNH	10/01/1992	*****18	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41045
97	VI VĂN CHÔNG	15/01/1987	*****54	Xã Muồng Chọng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005277
98	TRẦN VĂN CHUNG	20/06/1994	*****04	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004103
99	HỒ CÔNG CHUNG	12/06/1976	*****38	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007908
100	BÙI HUY CHUNG	01/12/1970	*****41	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		0098
101	NGUYỄN VĂN CHUNG	17/10/1994	*****67	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		00523

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
102	VI VĂN CHUNG	02/02/1988	*****25	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x		00433
103	ĐẶNG XUÂN CHUÔNG	10/10/2003	*****20	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		0083
104	NGUYỄN BÁ DANH	10/06/1991	*****72	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		004981
105	HOÀNG VĂN DANH	29/10/2007	*****06	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007709
106	LÊ ĐÌNH DANH	01/11/1993	*****07	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00196
107	TRẦN DOÃN DANH	14/05/1996	*****98	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00638
108	ĐẬU VĂN DÀN	02/08/1996	*****61	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	40779
109	NGUYỄN ĐÌNH DÀN	06/09/1988	*****72	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41041
110	PHẠM THỊ DIỄM	02/08/1998	*****29	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00348
111	NGUYỄN SỸ DIỄM	27/05/1989	*****77	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00516
112	VÕ THỊ DIỆU	28/07/1988	*****73	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005434
113	NGUYỄN ÁNH DIỆU	20/06/2006	*****20	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007685
114	LÊ VĂN DU	16/01/2005	*****65	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00342
115	NGUYỄN TƯ DUẤN	12/08/1984	*****06	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006889
116	NGUYỄN NỮ ĐĂNG DUNG	06/10/2003	*****36	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006102
117	TRẦN THỊ THANH DUNG	27/08/1981	*****90	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007903
118	LÊ THỊ THÙY DUNG	23/09/2002	*****82	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		007710

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
119	HỒ THỊ DUNG	06/08/1991	*****32	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007195
120	NGUYỄN THỊ DUNG	24/03/1982	*****02	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007828
121	NGUYỄN THỊ DUNG	20/05/1989	*****47	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00121
122	NGUYỄN THỊ DUNG	13/03/1993	*****54	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00618
123	VŨ NGỌC DŨNG	11/10/1984	*****66	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	005167
124	HỒ SỸ DŨNG	30/11/1992	*****17	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		006774
125	HỒ HOÀNG BÁ DŨNG	13/01/1999	*****83	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		00380
126	BÙI THỊ DŨNG	13/09/1984	*****85	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		00334
127	NGUYỄN LÊ DŨNG	02/11/2004	*****65	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007091
128	PHẠM CÔNG DŨNG	20/01/1991	*****35	Xã Văn Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		00520
129	NGÔ ĐỨC DŨNG	06/11/1985	*****22	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007686
130	LÊ VĂN DŨNG	14/06/1987	*****43	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		00168
131	LÊ VĂN DŨNG	10/02/1992	*****94	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	003
132	LÊ VĂN DŨNG	20/06/1989	*****64	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00286
133	HỒ SỸ DŨNG	27/01/1994	*****52	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00199
134	LƯƠNG QUỐC DŨNG	30/12/1984	*****61	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00200
135	NGUYỄN ANH DŨNG	07/07/1994	*****55	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41195

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
136	NGUYỄN VĂN DŨNG	05/02/1985	*****29	Xã Cẩm Duệ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	41042
137	LÊ QUANG DUY	06/02/2005	*****22	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007285
138	PHẠM VĂN DUY	10/01/1990	*****13	Xã Thạch Lập, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00643
139	VI VĂN DUYÊN	20/08/1983	*****97	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007093
140	HỒ THỊ DUYÊN	08/05/1997	*****79	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007657
141	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	13/01/2007	*****56	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		00100
142	VÕ THỊ DUYÊN	11/11/1988	*****88	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x		00390
143	CAO VĂN DƯƠNG	16/06/1979	*****68	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1 Cm	003880
144	TRẦN VĂN DƯƠNG	10/09/1985	*****63	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		005998
145	PHAN XUÂN DƯƠNG	05/10/1968	*****41	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00349
146	LÊ VĂN DƯƠNG	15/06/2000	*****82	Xã Cửa Việt, Tỉnh Quảng Trị	x	A1	007687
147	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	05/07/1994	*****30	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007711
148	TRẦN VĂN DƯƠNG	29/07/2001	*****83	Phường Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00269
149	HỒ SỸ DƯƠNG	06/07/1991	*****62	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00279
150	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	12/03/2001	*****41	Xã Tuyên Lâm, Tỉnh Quảng Trị	x	Cm	00642
151	ĐẶNG THỊ ĐẠI	29/04/1998	*****59	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		006336
152	CAO MINH ĐẠI	06/08/1952	*****94	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00240

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
153	NGUYỄN HỮU ĐẠI	25/08/1997	*****93	Xã Trường Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	0031
154	LÂM NGUYỄN HỮU ĐAM	14/12/2003	*****49	Xã Diên Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007089
155	NGUYỄN KIM ĐÀN	19/08/2005	*****78	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004508
156	NGUYỄN PHÚC ĐANG	02/09/2000	*****39	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00524
157	BÙI HỮU ĐANG	21/10/2000	*****24	Xã Trường Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	41142
158	NGUYỄN THỊ ĐÀO	08/06/1981	*****87	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	0099
159	PHẠM ĐÌNH ĐẠO	26/03/1966	*****91	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00197
160	TRẦN XUÂN ĐẠT	28/07/2004	*****29	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007258
161	CHU LÊ TIẾN ĐẠT	26/02/2002	*****72	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007923
162	TRẦN VĂN ĐẠT	09/09/1990	*****22	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		004761
163	ĐOÀN HÙNG ĐẠT	23/09/1992	*****85	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00625
164	NGUYỄN VĂN ĐẠT	08/08/1995	*****35	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00639
165	LO VĂN ĐẠT	14/01/1999	*****80	Xã Châu Hồng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41090
166	NGÔ THANH ĐẮC	07/05/1971	*****18	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		007164
167	LÊ HẢI ĐĂNG	09/10/2006	*****18	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		006888
168	NGUYỄN THÀNH ĐĂNG	26/04/2006	*****50	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007168
169	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	10/10/2004	*****81	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007965

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
170	ĐẬU NGỌC HẢI ĐĂNG	16/04/2007	*****05	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	00446
171	PHAN HẢI ĐĂNG	02/01/1999	*****26	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41192
172	PHAN VĂN ĐIỆP	25/09/1995	*****44	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0032
173	VĂN ĐỨC ĐIỀU	20/06/1994	*****58	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00640
174	NGUYỄN THỌ ĐÌNH	26/09/1998	*****77	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007859
175	TRẦN HẢI ĐOÀI	12/10/1987	*****19	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003401
176	LÊ VĂN ĐOÀN	23/11/1989	*****52	Phường Hải Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	005670
177	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	20/02/2001	*****84	Phường Trúc Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	007972
178	CAO TIẾN ĐOÀN	25/04/1993	*****90	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0033
179	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	12/04/2001	*****08	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00292
180	TRẦN QUÝ ĐÔN	10/05/1993	*****70	Xã Kỳ Văn, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	004914
181	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	01/09/1981	*****85	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00281
182	ĐẬU THIẾT ĐÔNG	26/10/1984	*****99	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40528
183	HỒ TRỌNG ĐÔNG	24/10/1989	*****86	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41046
184	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	04/12/1987	*****75	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		007527
185	NGÔ MINH ĐỨC	15/05/1988	*****94	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		007339
186	TRẦN VĂN ĐỨC	07/10/1981	*****18	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		007060

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
187	ĐOÀN VĂN ĐỨC	17/08/1990	*****06	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007379
188	ĐẶNG CU ĐỨC	25/03/1990	*****33	Xã Phú Vang, Thành phố Huế	x		006974
189	ĐẬU ĐỨC	20/05/1980	*****99	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007731
190	ĐẶNG HỒNG ĐỨC	07/07/1993	*****19	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00539
191	LÊ TRUNG ĐỨC	02/10/2004	*****38	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00434
192	NGUYỄN ANH ĐỨC	29/10/2005	*****24	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00573
193	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	02/08/1988	*****44	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		00574
194	HỒ SĨ ĐỨC	30/07/1997	*****13	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0034
195	THÁI CHU ĐỨC	27/02/1983	*****75	Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai	x	Cm	00198
196	TRẦN ANH ĐỨC	04/12/1989	*****50	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00293
197	NGUYỄN VĂN ĐỨC	01/03/1982	*****97	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00641
198	HỒ ANH ĐỨC	16/11/1995	*****37	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41199
199	NGUYỄN NHƯ ĐƯỜNG	10/10/1969	*****28	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006872
200	PHẠM VĂN ĐƯỜNG	28/09/1990	*****30	Xã Phúc Trạch, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00201
201	NGUYỄN THỊ GIANG	20/03/1984	*****72	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003668
202	LÊ THỂ GIANG	04/11/1987	*****85	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		006919
203	CAO XUÂN GIANG	03/05/2000	*****48	Xã Khe Sanh, Tỉnh Quảng Trị	x	A1	007242

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
204	LÊ VĂN GIANG	05/08/1993	*****51	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	005671
205	NGUYỄN LAM GIANG	15/08/2003	*****73	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00241
206	HỒ THỊ GIANG	26/04/1985	*****52	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		00612
207	ĐẬU TRƯỜNG GIANG	08/11/1984	*****29	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00533
208	PHẠM THỊ GIANG	21/10/1990	*****71	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007712
209	NGUYỄN VĂN GIANG	04/03/1987	*****60	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41043
210	LƯƠNG VĂN GIANG	15/08/1987	*****11	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41047
211	DƯƠNG THỊ GIÁP	28/08/1985	*****05	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		006095
212	NGUYỄN NGỌC GIÁP	09/09/1992	*****57	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		006000
213	HOÀNG MINH GIÀU	22/08/2000	*****43	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007094
214	LÊ THỊ HÀ	10/08/1981	*****48	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007834
215	VÕ THỊ HÀ	20/04/1984	*****96	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		007368
216	LÊ VĂN HÀ	26/06/1982	*****60	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004755
217	LÊ VĂN HÀ	05/06/1988	*****67	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		007783
218	HOÀNG THANH HÀ	05/08/2004	*****89	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007927
219	NGUYỄN THỊ HÀ	20/07/1993	*****87	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A2	003289
220	NGUYỄN THỊ HÀ	22/12/1982	*****64	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		007636

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
221	NGUYỄN THỊ AN HÀ	03/03/2002	*****99	Xã Thiên Cảm, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	00350
222	LÊ QUANG HÀ	10/02/1996	*****75	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00327
223	VI THỊ HÀ	02/02/1994	*****03	Xã Muồng Chọng, Tỉnh Nghệ An	x		00391
224	LÊ THỊ HÀ	12/02/1981	*****16	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		00122
225	PHAN THỊ HÀ	24/10/1996	*****08	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00555
226	ĐẶNG VĂN HÀ	02/10/1992	*****68	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007453
227	CAO THỊ HÀ	07/08/1999	*****49	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007688
228	TRỊNH VĂN HÀ	05/06/1983	*****40	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007733
229	NGUYỄN THỊ HÀ	16/03/1993	*****61	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00575
230	LÊ TIẾN HÀ	03/02/1991	*****11	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	004
231	NGUYỄN THỊ HÀ	18/07/1980	*****91	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		00242
232	HOÀNG VĂN HẢI	20/05/1988	*****22	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00242
233	ĐÀO THỊ HẢI	02/07/2000	*****18	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004136
234	NGUYỄN XUÂN HẢI	09/10/1969	*****15	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00144
235	NGUYỄN THỊ HẢI	23/03/1991	*****34	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00351
236	LÊ THỊ THANH HẢI	26/03/1999	*****35	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00124
237	HOÀNG CÔNG HẢI	07/07/1983	*****21	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007557

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
238	LÔ VĂN HẢI	25/04/1994	*****85	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007689
239	HOÀNG ĐẮC HẢI	21/09/1981	*****01	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00169
240	NGUYỄN HỒNG HẢI	09/02/1998	*****52	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00266
241	NGUYỄN HỮU HẢI	20/05/1985	*****35	Xã Trường Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	41091
242	HOÀNG VŨ HÀN	25/05/2006	*****20	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00613
243	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	01/06/1992	*****01	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007660
244	NGÔ THỊ HẠNH	17/01/1985	*****36	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007493
245	HỒ VĂN HẠNH	03/03/1986	*****82	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	C	001950
246	HOÀNG THỊ HẠNH	24/12/1995	*****78	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		006353
247	ĐẶNG THỊ MỸ HẠNH	09/03/1993	*****33	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		005974
248	NGUYỄN THỊ HẠNH	10/03/1993	*****97	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00477
249	TRƯƠNG QUỐC HÀO	05/10/1989	*****77	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	005
250	TRẦN THẾ HÀO	05/01/1993	*****65	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40147
251	NGUYỄN HỒNG HẢO	21/09/1990	*****42	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x		002362
252	PHAN XUÂN HẢO	17/04/1996	*****60	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00294
253	HỒ THỊ HẰNG	05/12/2002	*****89	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005837
254	VŨ THỊ HẰNG	19/05/2003	*****16	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006661

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
255	NGUYỄN THỊ HẰNG	24/06/1990	*****00	Xã Tân Lạc, Tỉnh Phú Thọ	x		006177
256	HÀ THỊ HẰNG	16/08/1990	*****23	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007658
257	ĐINH THỊ THU HẰNG	25/07/1988	*****81	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007135
258	ĐẶNG THỊ THU HẰNG	21/08/1996	*****85	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00467
259	HỒ THỊ THANH HẰNG	10/10/1994	*****51	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00487
260	PHẠM THỊ HẰNG	16/02/1992	*****53	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		007638
261	PHAN LÊ MỸ HẰNG	24/09/2002	*****01	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00492
262	MAI THỊ THÚY HẰNG	22/07/1996	*****57	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00392
263	TRẦN THỊ HẰNG	24/08/1984	*****76	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00505
264	PHẠM NGỌC HÂN	14/02/1977	*****21	Xã Hoàn Lão, Tỉnh Quảng Trị	x	Cm	005673
265	NGUYỄN VĂN HÂN	10/05/1987	*****38	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41097
266	NGUYỄN THỊ HẬU	26/05/1980	*****17	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00102
267	BÙI THỊ HIỀN	07/04/1990	*****31	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x		004460
268	HỒ THỊ HIỀN	01/07/1975	*****19	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		004513
269	HOÀNG THỊ HIỀN	20/05/1974	*****26	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		007639
270	ĐẶNG THỊ HIỀN	31/05/1989	*****43	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004593
271	PHẠM THỊ HIỀN	07/11/1994	*****02	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007589

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
272	TRỊNH THỊ HIỀN	08/11/1974	*****08	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		007882
273	PHẠM THỊ THU HIỀN	25/04/1989	*****94	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007506
274	PHAN KHÁNH HIỀN	01/07/2001	*****58	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007400
275	CHU THỊ HIỀN	19/02/1975	*****49	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00481
276	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	06/10/1998	*****85	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00103
277	PHÙNG BÁ HIỀN	23/07/1966	*****83	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00395
278	CAO THỊ HIỀN	09/04/1991	*****20	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00393
279	HOÀNG THỊ HIỀN	25/09/1994	*****35	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00394
280	NGUYỄN HÀM HIỀN	22/09/1983	*****82	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	006
281	PHẠM ĐÌNH HIỀN	06/03/1989	*****82	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	007
282	HOÀNG VĂN HIỀN	22/10/1990	*****53	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007390
283	LÊ MINH HIỀN	29/06/1982	*****46	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007785
284	NGÔ XUÂN HIỀN	24/07/1992	*****71	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00284
285	HOÀNG VĂN HIỀN	10/10/1983	*****70	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006560
286	NGUYỄN VĂN HIỆP	23/08/1990	*****61	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007097
287	NGUYỄN THỊ HIỆP	25/05/1984	*****20	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		003509
288	PHẠM VĂN HIỆP	25/03/2004	*****52	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007065

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
289	HỒ VĂN HIỆP	10/10/1972	*****86	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007951
290	VÕ TIẾN HIỆP	18/09/1991	*****71	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	0035
291	TRẦN VĂN HIỆP	05/01/1994	*****62	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1 Cm	00202
292	TÔ VĂN HIỆP	19/02/1997	*****59	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00295
293	KHA VĂN HIẾU	23/08/1989	*****10	Xã Châu Khê, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007297
294	TRẦN VĂN HIẾU	10/11/1995	*****88	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006508
295	LƯU ĐỨC HIẾU	25/09/1980	*****53	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007364
296	ĐẶNG HỒNG HIẾU	25/05/2001	*****79	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00611
297	TRẦN VĂN HIẾU	16/03/2007	*****91	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		00104
298	ĐẶNG VĂN HIẾU	12/10/1987	*****24	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		00684
299	PHAN VĂN HIẾU	30/08/1996	*****49	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007344
300	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	24/03/1998	*****15	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00448
301	LÊ DUY HIẾU	07/12/1998	*****38	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00447
302	PHAN VĂN HIẾU	01/01/1986	*****32	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		00576
303	BÙI HỮU HIẾU	11/07/1999	*****63	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0036
304	NGUYỄN VĂN HIẾU	24/06/1986	*****63	Xã Thác Bà, Tỉnh Lào Cai	x	Cm	00644
305	DƯƠNG DANH HIẾU	09/10/1991	*****20	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1 Cm	40763

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
306	THÁI BÁ HIỆU	06/10/1988	*****91	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41044
307	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	20/08/1990	*****19	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00645
308	NGUYỄN VĂN HINH	05/01/2002	*****01	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007535
309	HỒ THỊ HOA	05/05/1978	*****41	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		005925
310	KHA THỊ HOA	22/11/1985	*****65	Xã Châu Khê, Tỉnh Nghệ An	x		004682
311	VƯƠNG THỊ HOA	15/02/1993	*****06	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007590
312	NGÔ THỊ HOA	10/02/1980	*****91	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007661
313	THÁI THỊ HOA	10/09/1988	*****38	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00105
314	HỒ THỊ HOA	12/10/1989	*****63	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007713
315	VI QUANG HÒA	07/09/1996	*****84	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		007212
316	PHAN THỊ HÒA	01/05/1982	*****27	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		005028
317	HỒ HỮU HÒA	10/05/1985	*****89	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		006511
318	NGUYỄN CÔNG HÒA	17/05/1988	*****92	Xã Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	006796
319	NGUYỄN THỊ HÒA	23/08/1992	*****18	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		007641
320	VI THỊ HÒA	04/02/1986	*****68	Xã Hồng Vân, Thành phố Hà Nội	x		00396
321	NGUYỄN THỊ HÒA	28/10/1992	*****15	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00534
322	NGUYỄN HẢI HÒA	13/05/1988	*****69	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00449

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
323	HỒ VĂN HÒA	07/07/1996	*****36	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41143
324	NGUYỄN THỊ HÓA	08/06/1985	*****42	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		002495
325	NGUYỄN THỊ HOÀI	08/03/2000	*****44	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00332
326	VÕ THỊ HOÀI	15/09/1991	*****56	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003669
327	LÊ NGỌC HOÀI	21/08/1983	*****35	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	006268
328	NGUYỄN THỊ HOÀI	18/05/2000	*****82	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00463
329	LỤC NGỌC HOÀI	07/01/1990	*****42	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00203
330	ĐẶNG XUÂN HOÀN	18/02/2007	*****54	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		00244
331	TRẦN VĂN HOÀN	25/03/1995	*****55	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007098
332	NGUYỄN THỊ HOÀN	10/01/2003	*****48	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00354
333	NGUYỄN KHÂN HOÀN	18/03/1989	*****13	Xã Đồng Lê, Tỉnh Quảng Trị	x	Cm	00296
334	TRẦN THANH HOÀNG	09/07/1991	*****94	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006705
335	LÊ MINH HOÀNG	20/12/1993	*****52	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		006539
336	TRẦN HƯNG HOÀNG	09/01/2007	*****12	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		005637
337	TRẦN XUÂN HOÀNG	30/08/2005	*****14	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007277
338	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	15/04/1996	*****75	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007735
339	CAO VĂN HOÀNG	04/05/2001	*****62	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		00450

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
340	NGUYỄN BÁ HOÀNH	18/08/1987	*****29	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		00452
341	HỒ HỮU HỘI	25/12/1983	*****34	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007235
342	NGUYỄN THỊ HỒNG	27/09/2004	*****46	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		005593
343	TRƯƠNG THỊ HỒNG	14/07/1969	*****88	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006742
344	TRỊNH THỊ MAI HỒNG	08/04/2004	*****09	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		00397
345	PHẠM VĂN HỒNG	18/03/1986	*****60	Xã Văn Du, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	008
346	NGUYỄN MẠNH HỒNG	02/01/1983	*****40	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm A1	00276
347	LÊ VĂN HỒNG	03/09/1991	*****11	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0037
348	VŨ THỊ HỘI	05/10/1995	*****45	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007435
349	LÊ VĂN HỢP	20/12/1971	*****01	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		005451
350	VŨ VĂN HỢP	22/09/1980	*****52	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006755
351	HỒ VĂN HUÂN	10/06/1992	*****44	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007714
352	LÊ THỊ HUỆ	06/10/1982	*****54	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		00286
353	NGUYỄN THỊ HUỆ	17/01/1986	*****41	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		007833
354	NGUYỄN THỊ HUỆ	06/02/1993	*****95	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00106
355	NGUYỄN VIỆT HÙNG	15/06/1993	*****01	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007039
356	ĐẶNG VĂN HÙNG	05/10/1985	*****26	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		006765

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
357	LÊ ĐĂNG HÙNG	20/05/1997	*****38	Xã Thăng Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	007578
358	ĐẬU VĂN HÙNG	25/06/1991	*****59	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	006270
359	NGUYỄN VĂN HÙNG	27/01/1987	*****40	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007099
360	PHAN MẠNH HÙNG	16/07/1999	*****17	Xã Quang Lịch, Tỉnh Hưng Yên	x		007546
361	NGÔ VĂN HÙNG	11/05/1997	*****86	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00238
362	NGUYỄN MẠNH HÙNG	19/05/1985	*****64	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007952
363	NGÔ SỸ HÙNG	20/05/1979	*****67	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007691
364	LÊ VĂN HÙNG	11/08/1988	*****10	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	007736
365	HOÀNG VIỆT HÙNG	15/12/1983	*****41	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		00146
366	ĐẶNG DOãn HÙNG	24/04/1995	*****10	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00174
367	PHẠM QUANG HÙNG	28/08/1992	*****15	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0038
368	TRẦN VĂN HÙNG	03/10/1994	*****29	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1 Cm	00647
369	HỒ VĂN HÙNG	05/12/1978	*****44	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00646
370	LÊ NHƯ HÙNG	15/06/1988	*****02	Xã Quảng Yên, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	40368
371	HỒ DIỄN HÙNG	20/05/1988	*****52	Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng	x	Cm	40999
372	Nguyễn Quang Hùng	17/11/1992	*****96	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		
373	HOÀNG VĂN HUY	29/06/1985	*****12	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007550

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
374	NGÔ VĂN HUY	20/10/1993	*****05	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004769
375	NGUYỄN VĂN HUY	20/08/2000	*****16	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		006778
376	TRẦN VĂN HUY	12/10/1986	*****59	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		00175
377	NGUYỄN NGỌC HUY	07/07/1988	*****55	Xã Hương Phố, Tỉnh Hà Tĩnh	x	C	00264
378	TRƯƠNG CÔNG HUY	24/09/1991	*****71	Xã Thạch Lập, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	0040
379	HOÀNG VĂN HUY	10/10/1991	*****20	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00297
380	HỒ THẾ HUY	01/11/1980	*****31	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1 Cm	40529
381	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	02/09/1992	*****21	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007692
382	PHAN THỊ HUYỀN	15/05/1989	*****84	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	001943
383	THÁI THỊ HUYỀN	02/08/1996	*****29	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		005484
384	TRẦN THỊ THU HUYỀN	24/06/1995	*****78	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006106
385	VÕ THỊ THANH HUYỀN	19/09/2003	*****90	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		0067
386	NGUYỄN THỊ HUYỀN	01/10/1991	*****84	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007593
387	NGUYỄN THỊ HUYỀN	15/11/1995	*****40	Xã Văn Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00617
388	HỒ THỊ HUYỀN	17/04/2004	*****98	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00339
389	BÙI VĂN HUYNH	07/05/1992	*****15	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	009
390	TRƯƠNG VĂN HUỠNH	24/05/1999	*****78	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40538

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
391	BÙI NGỌC HƯNG	08/08/1991	*****89	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007040
392	ĐẶNG CÔNG HƯNG	10/04/1992	*****32	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		007240
393	PHẠM NGỌC HƯNG	10/10/1988	*****59	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		004573
394	LÊ ĐỨC HƯNG	20/10/1999	*****88	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00246
395	NGUYỄN NGỌC HƯNG	18/09/1977	*****46	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00204
396	LÔ THỊ HƯƠNG	24/03/1990	*****94	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007406
397	ĐẶNG THỊ CẨM HƯƠNG	04/09/1992	*****77	Xã Văn Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007893
398	VÕ THỊ THU HƯƠNG	04/05/1984	*****78	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007614
399	HỒ THỊ THU HƯƠNG	28/10/1994	*****56	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007662
400	PHAN THỊ HƯƠNG	30/05/1994	*****92	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006728
401	NGUYỄN THỊ THẢO HƯỜNG	31/12/1975	*****50	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007835
402	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	20/01/1996	*****32	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007408
403	NGÔ THỊ HƯỜNG	03/07/1975	*****03	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00355
404	LÊ THỊ HƯỜNG	09/09/1982	*****76	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00333
405	NGÔ TRÍ HƯỜNG	04/07/2007	*****76	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007278
406	PHẠM NGỌC HƯỚNG	18/09/1992	*****76	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0039
407	TRẦN NGỌC HỮU	01/01/1980	*****77	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		00148

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
408	NGUYỄN VĂN KIÊN	09/05/1977	*****07	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007041
409	LỮ VĂN KIÊN	08/05/1985	*****63	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	005800
410	TRẦN TRỌNG KIÊN	22/12/2005	*****07	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		007758
411	HOÀNG TRUNG KIÊN	20/12/1992	*****73	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		00691
412	TRẦN TRUNG KIÊN	14/01/1985	*****70	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40530
413	LÊ HỒNG KIÊN	14/05/1993	*****08	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005979
414	NGUYỄN VĂN KIÊN	15/09/1994	*****95	Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	40534
415	CAO ANH KIẾT	06/08/2007	*****19	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00453
416	PHẠM GIANG KIỀU	16/09/1985	*****80	Xã Sơn Kim 1, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm A1	40539
417	LỮ VĂN KIM	26/09/1992	*****90	Xã Nga My, Tỉnh Nghệ An	x		007249
418	PHẠM HỒNG KỶ	14/06/1973	*****88	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00176
419	NGUYỄN THỊ KỶ	02/09/1989	*****45	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007642
420	NGUYỄN VĂN KỶ	24/06/1969	*****22	Xã Văn Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		00150
421	NGUYỄN VĂN KHAI	05/01/1988	*****64	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		00682
422	PHAN VĂN KHẢI	25/09/1997	*****97	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41144
423	VŨ VĂN KHANG	27/05/1997	*****74	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00298
424	NGUYỄN VĂN KHANH	27/07/1979	*****39	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003700

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
425	PHẠM XUÂN KHANH	02/01/2007	*****26	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	00541
426	NGUYỄN VĂN KHÁNH	27/07/1994	*****88	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007594
427	LÊ THỊ HOÀI KHÁNH	09/10/2002	*****09	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007757
428	CAO DUY KHÁNH	03/06/2005	*****86	Xã Mương Chộng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00436
429	TRẦN VĂN KHÁNH	15/04/1990	*****03	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00205
430	CAO NGỌC KHIÊM	16/03/1976	*****90	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007694
431	TRẦN VĂN KHOA	10/10/1970	*****36	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005177
432	TRẦN VĂN KHOA	28/04/1990	*****64	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007223
433	HOÀNG MINH KHOA	15/07/2004	*****86	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		00630
434	NGUYỄN VĂN KHỞI	17/04/1993	*****25	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0010
435	PHẠM THỊ LÀI	14/10/2002	*****23	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00357
436	NGHIÊM THỊ LÀI	10/09/1987	*****92	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00261
437	NGUYỄN THỊ LAM	30/10/1999	*****49	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007191
438	PHAN VĂN LAM	10/10/1981	*****33	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00273
439	NGUYỄN THỊ LAN	27/12/1995	*****30	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00243
440	NGUYỄN THỊ LAN	02/10/1973	*****36	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007643
441	BÙI THỊ LAN	02/08/1994	*****23	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00419

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
442	LÊ THỊ LAN	07/08/1989	*****14	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		00561
443	LÊ THỊ LAN	02/09/1987	*****19	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00262
444	CHU THỊ LAN	22/12/2000	*****65	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007789
445	NGUYỄN VĂN LÂM	10/06/1988	*****08	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		006977
446	ĐÀM THÁI LÂM	28/02/2007	*****90	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007042
447	TRẦN VĂN LÂM	16/01/1996	*****45	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		007918
448	PHẠM ĐỨC LÂM	03/07/1989	*****75	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00648
449	HỒ HỮU LÂN	06/06/1992	*****56	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		00697
450	CAO VĂN LẬP	18/12/1991	*****94	Xã Cẩm Tú, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	0041
451	PHAN SỸ LỆ	14/02/1976	*****54	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		0085
452	LÊ VĂN LỆ	09/04/1971	*****22	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		007759
453	NGUYỄN THỊ LỊCH	16/07/1989	*****17	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003685
454	NGUYỄN THỊ LIÊN	20/05/1969	*****62	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		001874
455	HOÀNG VĂN LIÊN	28/12/1972	*****27	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		006206
456	BÙI ANH LIÊN	04/11/1978	*****25	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001976
457	NGUYỄN THỊ LIÊN	05/10/1985	*****56	Xã Chiêu Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00398
458	LÊ VĂN LIỄU	11/02/1988	*****30	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00151

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
459	HÀ VĂN LIỆU	08/05/1988	*****24	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00649
460	NGUYỄN THỊ LINH	05/04/1992	*****63	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		002158
461	LÊ VĂN LINH	02/11/2004	*****13	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007289
462	LÊ THỊ LINH	26/10/1997	*****88	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006898
463	TRẦN KHÁNH LINH	03/03/2002	*****65	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006583
464	VÕ THỊ KHÁNH LINH	15/10/2005	*****15	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007896
465	VŨ THỊ THÙY LINH	04/09/1996	*****95	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		0064
466	HOÀNG THỊ HẢI LINH	03/08/1999	*****17	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		00108
467	ĐÀO THỊ MAI LINH	06/04/2000	*****99	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007717
468	NGUYỄN ĐỨC LINH	25/03/2007	*****36	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		00629
469	NGÔ VIỆT LINH	28/02/1984	*****61	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00152
470	TRƯƠNG VĂN LINH	05/10/1989	*****25	Xã Hóa Quỳ, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00207
471	NGUYỄN VĂN LINH	19/07/1998	*****35	Xã Phúc Trạch, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00206
472	ĐẶNG THỊ LĨNH	13/02/1981	*****26	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		004989
473	TRỊNH THỊ LOAN	04/04/1992	*****46	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		0059
474	NGUYỄN THỊ LOAN	28/12/1991	*****00	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		00129
475	TRẦN THỊ LOAN	19/11/1989	*****36	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		0082

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
476	TẶNG VĂN LONG	15/07/1988	*****89	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007280
477	ĐẶNG VĂN LONG	02/05/2000	*****11	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00473
478	HỒ SỸ LONG	26/07/1958	*****84	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00109
479	TRƯƠNG VĂN LONG	08/01/1989	*****45	Xã Kỳ Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1 Cm	41096
480	NGUYỄN VĂN LỘC	14/03/1990	*****88	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002543
481	THÁI VĂN LỘC	10/04/1981	*****79	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00358
482	NGUYỄN HỒNG LỢI	10/10/1979	*****54	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00208
483	TRẦN THỊ LỰA	20/10/2003	*****51	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002867
484	HOÀNG THỊ LUẬN	20/03/1985	*****66	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007961
485	PHAN VĂN LUẬT	29/07/1985	*****74	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00535
486	CAO THỊ LƯƠNG	10/09/1997	*****51	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006605
487	TRẦN HIỀN LƯƠNG	10/11/1979	*****51	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002700
488	HỒ SỸ LƯƠNG	18/12/1985	*****22	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007043
489	TRẦN XUÂN LƯƠNG	25/05/1965	*****29	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006616
490	PHAN THỊ LƯƠNG	25/08/1995	*****01	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007509
491	TRẦN ĐÌNH LƯƠNG	07/09/1983	*****02	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007538
492	LÊ THỊ LƯƠNG	18/12/1997	*****74	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007795

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
493	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	16/12/1988	*****34	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00299
494	NGUYỄN VĂN LƯU	20/11/1994	*****64	Xã Anh Sơn Đông, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00209
495	TRẦN THỊ LƯU LY	31/08/2003	*****00	Xã Muồng Chọng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006739
496	TRẦN CẨM LY	04/02/2004	*****77	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	0071
497	LÊ THỊ HƯƠNG LY	17/03/2003	*****70	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00513
498	ĐINH CÔNG LÝ	03/10/1986	*****02	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x		006248
499	NGUYỄN THỊ LÝ	22/08/1979	*****61	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006598
500	THÁI THỊ MAI	25/04/1976	*****58	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x		003911
501	LÔ THỊ MAI	19/10/1982	*****79	Xã Châu Khê, Tỉnh Nghệ An	x		002524
502	LÊ THỊ MAI	20/10/1972	*****52	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		004342
503	PHAN THỊ MAI	20/02/1992	*****35	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006507
504	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	29/12/1990	*****35	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		004710
505	NGUYỄN THỊ MAI	26/11/2000	*****80	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00399
506	CAO THỊ MAI	21/09/1988	*****20	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		
507	NGUYỄN MINH MẠNH	15/06/1985	*****39	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		005444
508	NGUYỄN VĂN MẠNH	18/03/1997	*****71	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		003968
509	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	09/06/2007	*****31	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007281

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
510	PHAN VĂN MẠNH	10/12/1980	*****09	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007695
511	ĐÀM NGỌC MẠNH	20/09/1994	*****90	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007796
512	NGUYỄN VĂN MẠNH	28/10/2004	*****62	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00179
513	ĐỖ ĐĂNG MẠNH	03/03/1996	*****26	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00267
514	NGUYỄN VĂN MẠNH	14/03/1993	*****67	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0042
515	Đặng Công Mạnh	10/07/1994	*****99	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		
516	CAO XUÂN MINH	11/07/2004	*****39	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		006715
517	NGUYỄN ĐÌNH MINH	08/10/1967	*****01	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001862
518	TRẦN THỊ MINH	21/09/1990	*****98	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		004691
519	TRẦN ĐÌNH MINH	26/06/1959	*****03	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007181
520	TẦN HỮU MINH	29/08/2004	*****49	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		006029
521	PHẠM VĂN MINH	15/07/1988	*****37	Xã Hoàn Lão, Tỉnh Quảng Trị	x		007347
522	TRẦN VĂN MINH	08/08/1992	*****56	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	005803
523	PHẠM THANH MINH	20/11/1990	*****79	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00400
524	HOÀNG HỮU MINH	22/12/1985	*****42	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		00536
525	NGÔ VƯƠNG MINH	27/09/1981	*****48	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007797
526	LÊ SỸ MINH	15/09/1995	*****56	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	0043

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
527	HOÀNG VĂN MINH	05/07/1987	*****76	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00210
528	HOÀNG ĐÌNH MINH	15/05/1996	*****97	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00650
529	PHẠM NGỌC MINH	02/06/1980	*****15	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41092
530	HỒ THỊ MƠ	08/08/1968	*****24	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		00360
531	LÊ THỊ MÙI	26/10/1977	*****29	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		00361
532	ĐẬU THỊ DIỆU MY	10/06/2006	*****05	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		00245
533	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	19/05/2003	*****41	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00422
534	NGUYỄN THỊ MỸ	14/10/2004	*****71	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		006482
535	LÊ THỊ MỸ	08/03/1988	*****62	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		007645
536	THÁI THỊ NA	25/08/2000	*****72	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		006333
537	PHẠM VĂN NAM	10/06/2000	*****70	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		006400
538	BÙI ĐỨC NAM	28/02/1999	*****18	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004163
539	NGUYỄN KIM NAM	12/03/1996	*****93	Xã Toàn Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	005090
540	ĐINH TRỌNG HẢI NAM	26/10/2003	*****62	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006618
541	LÊ THẾ NAM	19/07/1987	*****25	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00624
542	TRƯƠNG ĐỨC NAM	08/06/2006	*****16	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007799
543	VÕ VĂN NAM	30/11/1989	*****86	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00211

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
544	ĐẬU ĐỨC NAM	20/06/1993	*****43	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00300
545	HỒ KHẢ NAM	10/07/1996	*****36	Xã Hà Linh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00651
546	LƯƠNG VĂN NAM	14/08/1992	*****52	Phường Vũng Áng, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00652
547	TRƯƠNG VĂN NAM	04/04/1994	*****16	Xã Cẩm Lạc, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	40369
548	NGUYỄN HỮU NAM	15/10/1992	*****52	Xã Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng	x	Cm	40780
549	HOÀNG CÔNG NAM	05/02/1993	*****26	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40531
550	VŨ VĂN NAM	30/03/1995	*****45	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41094
551	TRẦN VĂN NAM	04/12/1990	*****38	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40764
552	LÊ VĂN NINH	15/01/1995	*****60	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41145
553	NGUYỄN THỊ NGA	02/06/1981	*****52	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		004518
554	PHẠM THỊ QUỲNH NGA	20/10/1988	*****35	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006655
555	TRẦN THỊ QUỲNH NGA	05/06/1978	*****26	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007203
556	NGUYỄN THỊ NGA	04/10/1992	*****07	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		006958
557	NGUYỄN THỊ NGA	21/09/1992	*****44	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		005706
558	VŨ THỊ NGA	12/09/1992	*****27	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	007911
559	NGUYỄN THỊ NGA	10/10/1992	*****79	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		007616
560	NGUYỄN THỊ NGA	03/08/1991	*****48	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007646

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
561	HOÀNG THỊ NGA	25/01/1994	*****35	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00362
562	LÊ THỊ NGA	20/10/1991	*****06	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00563
563	TRỊNH VĂN NGA	01/10/1995	*****17	Xã Trường Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	0011
564	CAO THANH NGA	21/11/1980	*****12	Xã Phúc Trạch, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm A1	0044
565	HỒ THỊ NGÂN	10/10/1980	*****42	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		004251
566	TRẦN THỊ THÚY NGÂN	10/05/1987	*****54	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		007224
567	NGUYỄN THỊ NGÂN	10/03/1988	*****95	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00332
568	PHẠM THỊ THÚY NGÂN	17/02/1989	*****63	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006643
569	NGUYỄN XUÂN NGÂN	21/10/2003	*****09	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00581
570	CÀM MINH NGHĨA	17/02/1977	*****98	Phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Lào Cai	x	A1	002405
571	VI VĂN NGHĨA	23/07/1989	*****55	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		006901
572	NGUYỄN THANH NGHĨA	20/07/1991	*****23	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00302
573	NGÔ TRÍ NGHĨA	26/06/1995	*****00	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00301
574	NGUYỄN ĐÌNH NGHINH	04/04/1997	*****59	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007255
575	MAI VĂN NGHINH	20/05/1982	*****89	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A2	007250
576	TRƯƠNG THỊ NGỌC	18/12/1972	*****18	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00592
577	NGUYỄN VĂN NGỌC	23/04/2003	*****20	Xã Na Ngoi, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006251

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
578	NGUYỄN BÁ NGỌC	01/01/2006	*****19	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007244
579	TRẦN THỊ ÁNH NGỌC	16/10/1997	*****63	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007072
580	MÔNG THỊ NGỌC	24/02/1992	*****80	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004522
581	NGUYỄN THỊ NGỌC	08/04/1997	*****44	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007444
582	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	10/05/1983	*****52	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		0078
583	NGUYỄN NGỌC	12/09/1983	*****21	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00527
584	BÙI THỊ NGỌC	20/10/1993	*****02	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007719
585	VŨ THỊ NGỌC	16/08/1992	*****76	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00456
586	HOÀNG VĂN NGỌC	02/02/1994	*****98	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		00180
587	NGUYỄN VĂN NGỌC	05/09/1995	*****03	Xã Quảng Chính, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	0012
588	NGUYỄN VĂN NGỌC	07/03/1988	*****83	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00212
589	HỒ ĐÌNH NGÔN	20/09/1999	*****36	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00653
590	CAO XUÂN NGUYỄN	09/10/1990	*****92	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007720
591	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	10/10/1966	*****33	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00478
592	PHẠM THỊ NGUYỄN	07/11/1991	*****28	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00325
593	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN	01/01/1985	*****76	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006783
594	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	09/09/1990	*****31	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0013

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
595	LƯU VĂN NGUYỄN	13/10/1986	*****99	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00654
596	HOÀNG VĂN NGUYỄN	28/08/1996	*****28	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40148
597	LÊ VĂN NGUYỄN	03/05/1993	*****50	Xã Hà Linh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	0045
598	VÕ THỊ NGUYỆT	20/12/1973	*****30	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		004054
599	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	28/04/1994	*****27	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007026
600	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	01/05/1982	*****44	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		0059
601	TRẦN DUY NHÂM	21/04/1992	*****33	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00303
602	TRẦN VĂN NHẤT	19/09/2002	*****88	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007739
603	HỒ TÚ NHI	12/02/2002	*****22	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007045
604	TRẦN TẮT NHIÊN	30/01/1998	*****77	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00540
605	LÊ THỊ NHỚ	05/05/1991	*****86	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00131
606	NGUYỄN THỊ NHUNG	01/09/1995	*****08	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007668
607	ĐẬU THỊ NHUNG	02/05/1991	*****42	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		004087
608	ĐẬU THỊ NHUNG	20/10/1987	*****07	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		005868
609	NGUYỄN THỊ NHUNG	06/12/1991	*****22	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		005869
610	HUỶNH THỊ TUYẾT NHUNG	12/02/1989	*****47	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		00484
611	DƯƠNG THỊ NHUNG	20/08/1984	*****63	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		007618

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
612	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	20/11/1993	*****38	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00363
613	TRẦN THỊ NHUNG	03/07/1998	*****37	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00401
614	VỠ THỊ NHUNG	26/12/1974	*****55	Xã Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	x		00133
615	NGUYỄN THỊ NHUNG	24/06/1994	*****58	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00132
616	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	14/08/2003	*****44	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001999
617	HOÀNG VĂN NHƯƠng	01/01/1963	*****55	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007619
618	LÊ THỊ OANH	19/05/1987	*****52	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007545
619	BÙI THỊ KIM OANH	15/07/1989	*****43	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007620
620	NGUYỄN ĐÌNH ỒN	06/10/1986	*****99	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		006404
621	NGUYỄN VĂN ƠN	04/09/1996	*****03	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41048
622	PHAN GIA PHÁT	12/11/2003	*****30	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		002275
623	NGUYỄN QUỐC PHÁT	08/09/1988	*****45	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00304
624	LƯƠNG XỐM PHẤN	19/05/1979	*****42	Xã Nga My, Tỉnh Nghệ An	x		003861
625	NGUYỄN DUY PHI	15/12/1997	*****02	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		007801
626	HỒ VIỆT PHONG	03/03/1999	*****58	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00326
627	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	08/07/2004	*****60	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007944
628	TRẦN VĂN PHONG	13/04/1993	*****62	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0046

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
629	HỒ HỮU PHONG	05/09/1996	*****68	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00655
630	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	13/07/1996	*****19	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007256
631	TRƯƠNG THỊ PHÚ	06/06/1989	*****18	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		005247
632	NGUYỄN THỊ MỸ PHÚC	01/01/2000	*****07	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006440
633	LÊ VĂN PHÚC	04/04/1979	*****16	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007003
634	ĐẶNG VĂN PHÚC	20/02/1992	*****04	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006008
635	PHAN VĂN PHÚC	07/03/1989	*****34	Xã Trường Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	006838
636	ĐẬU HỒNG PHÚC	24/11/1993	*****42	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007621
637	VŨ THỊ PHÚC	13/05/1989	*****31	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00385
638	NGUYỄN CẢNH PHÚC	23/12/1991	*****84	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00135
639	ĐẶNG VĂN PHÚC	11/05/2005	*****83	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007916
640	NGÔ HỒNG PHÚC	07/09/1994	*****66	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007566
641	CAO XUÂN PHÚC	07/07/1995	*****71	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007696
642	NGUYỄN VĂN PHÚC	20/08/1997	*****63	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00548
643	NGUYỄN VIỆT PHÚC	20/04/1987	*****63	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0014
644	ĐÀO DANH PHÙNG	26/04/1982	*****95	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007697
645	BÙI THỊ PHƯƠNG	27/09/1980	*****40	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		0044

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
646	VI VĂN PHƯƠNG	21/01/1996	*****91	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007073
647	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	11/09/2007	*****50	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007898
648	PHAN THỊ MINH PHƯƠNG	24/06/2001	*****89	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		007363
649	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	17/08/1977	*****07	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00485
650	CHU THỊ PHƯƠNG	30/05/1998	*****60	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007670
651	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	28/12/1995	*****54	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		00112
652	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	27/04/2003	*****38	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00402
653	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	26/06/1996	*****76	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007740
654	HỒ THỊ PHƯƠNG	22/09/1998	*****67	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		007802
655	PHẠM VIỆT PHƯƠNG	17/10/1979	*****17	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		00156
656	THÁI KHẮC PHƯƠNG	02/10/1973	*****68	Phường Hưng Bình, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1 C	00139
657	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	02/09/1976	*****19	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00113
658	LƯU THỊ PHƯƠNG	10/05/1998	*****61	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	007741
659	NGUYỄN PHƯƠNG	23/04/1990	*****12	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00656
660	LÊ QUANG PHƯƠNG	10/03/1996	*****98	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40996
661	TRẦN QUANG QUANG	13/01/2004	*****95	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		00609
662	NGUYỄN HUY QUANG	25/05/1998	*****57	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007460

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
663	NGUYỄN DANH QUANG	23/10/1992	*****03	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007721
664	TRẦN ĐỨC QUANG	14/09/1989	*****60	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00439
665	LÊ VĂN QUANG	23/11/1981	*****01	Xã Trường Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	0015
666	NGUYỄN VIỆT QUANG	23/10/2001	*****21	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00213
667	CUNG ĐÌNH QUẢNG	25/10/1986	*****17	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007415
668	NGUYỄN HỒNG QUÂN	03/12/2000	*****92	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		006147
669	VI VĂN QUÂN	12/08/1991	*****51	Xã Châu Khê, Tỉnh Nghệ An	x		004577
670	ĐÌNH VIỆT QUÂN	27/06/1998	*****70	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		00387
671	LÊ ANH QUÂN	04/04/2007	*****32	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		00521
672	NGUYỄN MINH QUÂN	22/01/2004	*****94	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007742
673	NGUYỄN HỮU QUÂN	20/12/1997	*****52	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007761
674	NGUYỄN VĂN QUÂN	20/10/1990	*****62	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00157
675	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	20/08/1988	*****31	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00305
676	TRẦN VĂN QUÂN	20/03/1994	*****58	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00658
677	NGUYỄN VĂN QUÂN	08/09/1989	*****66	Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00657
678	ĐẬU HỮU QUÂN	26/07/1986	*****66	Xã Thần Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40372
679	NGUYỄN VĂN QUY	25/06/1972	*****23	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	0070

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
680	ĐINH VĂN QUÝ	06/01/1985	*****22	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007197
681	PHẠM VĂN QUÝ	16/05/1986	*****68	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40535
682	HỒ VĂN QUYỀN	01/02/2003	*****59	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		00583
683	ĐÀO HỒNG QUYẾT	10/05/1977	*****81	Xã Minh Hóa, Tỉnh Quảng Trị	x		007417
684	BẠCH XUÂN QUYẾT	13/09/1992	*****45	Xã Tân Phú, Tỉnh Tây Ninh	x		00114
685	TRẦN THỊ QUỲNH	22/02/1994	*****35	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		004088
686	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	24/04/1985	*****56	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		004711
687	QUẾ THỊ QUỲNH	12/10/1983	*****02	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00364
688	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	26/01/1999	*****63	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002076
689	TRẦN THỊ QUỲNH	08/03/1982	*****28	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007524
690	PHAN VĂN QUỲNH	22/10/2004	*****02	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00537
691	HỒ ĐỨC QUỲNH	27/06/1988	*****43	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00277
692	BÙI VĂN SANG	22/02/2002	*****84	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007698
693	LÊ MINH SANG	13/07/1988	*****43	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007699
694	Nguyễn Thành Sang	11/04/2001	*****89	Xã Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	x		
695	CHU VĂN SÁNG	01/08/2006	*****61	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		007853
696	CAO XUÂN SÁNG	09/09/2006	*****91	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007743

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
697	NGUYỄN XUÂN SÁU	10/10/1986	*****01	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007722
698	TRẦN THỊ SÂM	03/07/1985	*****64	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00744
699	NGUYỄN THỊ SEN	21/05/1977	*****60	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		002464
700	CAO THỊ SEN	16/09/1977	*****60	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00365
701	NGUYỄN THỊ SEN	02/10/1995	*****12	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007700
702	PHẠM VĂN SĨ	15/09/1987	*****17	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00214
703	ĐẶNG TRƯỜNG SINH	16/09/1983	*****43	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00659
704	PHAN THỊ SOA	10/01/1989	*****32	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		005850
705	DƯƠNG ĐỨC SƠN	28/04/2001	*****19	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006739
706	NGUYỄN VĂN SƠN	10/11/1979	*****99	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		004869
707	ĐẬU VĂN SƠN	13/11/1991	*****83	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006548
708	NGUYỄN NGỌC SƠN	20/06/1990	*****70	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	006830
709	ĐỖ MINH SƠN	10/03/1970	*****51	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		007723
710	PHAN VĂN SƠN	30/07/2000	*****35	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00458
711	NGUYỄN SỸ SƠN	06/08/1999	*****47	Xã Trường Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	0047
712	NGUYỄN BÁ SƠN	28/04/1990	*****11	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00280
713	NGUYỄN HỒNG SƠN	22/07/1998	*****86	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00345

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
714	NGUYỄN BÁ SƠN	26/05/1994	*****71	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00215
715	NGUYỄN ĐẮC SƠN	12/10/1993	*****08	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00700
716	HOÀNG KHẮC SƠN	13/12/1999	*****83	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1 Cm	00307
717	NGUYỄN VĂN SƠN	10/10/1992	*****51	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00308
718	HỒ TRỌNG SƠN	15/07/1993	*****90	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00306
719	CAO ĐĂNG SỰ	12/02/1994	*****28	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A.03 Cm	00216
720	HỒ THỊ MAI SƯƠNG	24/05/2001	*****77	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		007884
721	NGUYỄN MINH SỸ	19/09/1998	*****29	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	C	0041
722	LÊ ĐÌNH SỸ	20/11/1992	*****81	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00660
723	BÙI VĂN TÀI	05/04/1995	*****96	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002250
724	NGUYỄN VĂN TÀI	12/09/1991	*****54	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		006779
725	NGUYỄN ĐÌNH TÀI	16/06/1992	*****30	Phường Trúc Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x		004168
726	PHAN VĂN TÀI	15/12/2004	*****40	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00619
727	BÙI VĂN TÀI	20/06/1988	*****70	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00217
728	NGUYỄN ĐÌNH TÀI	05/01/1993	*****57	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40149
729	HỒ TRỌNG TÀI	05/10/1988	*****54	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		
730	HÀ VĂN TÂM	01/07/1981	*****73	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x		004725

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
731	LÊ TRỌNG TÂM	04/09/2004	*****85	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007236
732	PHAN THỊ TÂM	06/11/1987	*****67	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006640
733	TRẦN THỊ TÂM	09/05/1999	*****30	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00403
734	LÊ TRUNG TÂM	19/05/1987	*****40	Phường Trúc Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00661
735	BÙI THỊ TÂN	15/06/1985	*****70	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		004446
736	HỒ THỊ TÂN	15/11/1988	*****92	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007512
737	NGUYỄN ĐÌNH TÂN	20/05/1991	*****54	Xã Quảng Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00309
738	NGUYỄN QUỐC TÂN	20/01/1992	*****21	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00310
739	PHẠM XUÂN TÂN	12/10/1982	*****31	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00662
740	NGUYỄN SỸ TÂN	04/08/1993	*****98	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41193
741	NGUYỄN BÁ TẬP	12/02/1983	*****18	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41095
742	NGUYỄN VĂN TIỀN	24/10/1998	*****42	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	40151
743	HOÀNG TRỌNG TIẾN	24/06/2004	*****64	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007529
744	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	25/01/1998	*****31	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006131
745	HỒ ANH TIẾN	02/02/1986	*****04	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		007394
746	LƯƠNG ĐÌNH TIẾN	20/09/1993	*****46	Xã Hương Phố, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00222
747	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	01/05/1993	*****42	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00666

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
748	LỮ VĂN TIỆP	29/07/1995	*****50	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		006224
749	VI THỊ TÍM	26/01/1995	*****49	Xã Cam Phục, Tỉnh Nghệ An	x		00406
750	BÙI VĂN TIN	07/02/2002	*****34	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		002259
751	ĐINH THÔNG TIN	10/05/1986	*****57	Xã Phúc Trạch, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00667
752	LÊ MINH TÍN	27/08/1991	*****54	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0052
753	ĐẬU NGỌC TÌNH	10/07/1976	*****33	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004688
754	LƯƠNG VĂN TỎA	04/01/1981	*****80	Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		007148
755	NGUYỄN CÔNG TOẠI	30/10/1999	*****62	Xã Phúc Trạch, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	0020
756	HOÀNG BÁ TOÀN	16/04/1988	*****38	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00543
757	ĐẬU HUY TOÀN	15/07/1992	*****82	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00270
758	VÕ VĂN TOÀN	15/05/1989	*****17	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00223
759	TRẦN KHÁNH TOÀN	18/07/1987	*****04	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00314
760	KHA QUÝ TÔN	15/11/2006	*****08	Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		005794
761	NGUYỄN VIỆT TÚ	14/10/2001	*****62	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007948
762	NGUYỄN VĂN TÚ	12/10/1988	*****82	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		006912
763	PHAN THỊ TÚ	26/07/1998	*****27	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x	A1	0058
764	NGUYỄN TẮT TÚ	14/03/1992	*****79	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00159

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
765	HÀ HUY MINH TÚ	05/09/2001	*****59	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00343
766	VÕ QUANG TÚ	26/04/1979	*****31	Xã Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	0023
767	HỒ VĂN TÚ	04/07/1996	*****23	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00669
768	LÊ HỮU TUẤN	10/07/1983	*****10	Xã Hương Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1 Cm	0024
769	NGUYỄN CÔNG TUẤN	02/09/1989	*****89	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		007272
770	HOÀNG ANH TUẤN	06/06/1988	*****41	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		005932
771	NGUYỄN VĂN TUẤN	13/08/1998	*****62	Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm A1	005808
772	NGUYỄN ANH TUẤN	09/10/1990	*****93	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006135
773	HOÀNG MINH TUẤN	25/04/1987	*****66	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00265
774	LÊ ĐÌNH TUẤN	15/06/1996	*****02	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	006863
775	VŨ VĂN TUẤN	15/08/1996	*****74	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		00506
776	KHA BẢO TUẤN	03/08/2002	*****35	Xã Bình Chuẩn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00686
777	NGUYỄN ANH TUẤN	20/08/1996	*****49	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00182
778	HỒ VĂN TUẤN	10/08/1992	*****51	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00696
779	NGUYỄN MẠNH TUẤN	16/10/1996	*****59	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	0025
780	TRẦN MẠNH TUẤN	16/03/1991	*****67	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0027
781	NGUYỄN NHƯ TUẤN	06/04/1993	*****83	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	0026

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
782	NGUYỄN VĂN TUẤN	01/09/2001	*****65	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00278
783	HOÀNG ANH TUẤN	19/07/1994	*****93	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0054
784	NGUYỄN VĂN TUẤN	27/03/1977	*****39	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00287
785	UÔNG SỸ TUẤN	08/04/1986	*****92	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	0055
786	HỒ TRỌNG TUẤN	10/07/2000	*****73	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00282
787	ĐẶNG VĂN TUẤN	06/10/1983	*****15	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00285
788	THÁI ANH TUẤN	10/05/1986	*****54	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00316
789	PHẠM VĂN TUẤN	06/03/1988	*****17	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00315
790	LÊ ANH TUẤN	15/01/1982	*****12	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00670
791	TRƯƠNG VĂN TUẤN	17/03/1986	*****56	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	40419
792	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	18/10/1996	*****95	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40571
793	PHAN VĂN TUẤN	19/02/1995	*****57	Xã Đồng Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm A1	41198
794	HỒ ĐÌNH TUẤN	04/02/1996	*****15	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		
795	NGUYỄN VĂN TUỆ	15/11/1971	*****20	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007970
796	NGUYỄN TẮT TÙNG	06/12/1975	*****80	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00917
797	LANG VI TÙNG	30/09/1985	*****01	Xã Cam Phục, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0056
798	LÊ DUY TÙNG	03/03/1977	*****98	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00229

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
799	TRẦN VĂN TÙNG	18/06/1993	*****27	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00317
800	LÊ THANH TÙNG	23/08/1995	*****60	Xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	40766
801	HÀ VĂN TỤNG	08/04/1995	*****11	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41093
802	HOÀNG NGỌC TUYẾN	20/07/1991	*****74	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004239
803	HỒ THỊ TUYẾT	18/04/1975	*****73	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		005234
804	TRẦN VĂN TUYẾT	05/05/1970	*****09	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007899
805	HOÀNG THỊ TUYẾT	07/05/1986	*****82	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		00118
806	NGUYỄN THỊ TUYẾT	20/09/2005	*****09	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		007705
807	TẠ DUY TỰ	26/03/2003	*****09	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007929
808	ĐẶNG ĐÌNH TỰ	30/12/1980	*****32	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007627
809	NGUYỄN VĂN TÝ	03/09/1982	*****14	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001170
810	NGUYỄN ĐÌNH TÝ	02/05/1986	*****99	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	004935
811	ĐÀM THỊ THÁI	06/01/1995	*****75	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007419
812	NGUYỄN VĂN THÁI	16/10/1992	*****66	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00737
813	NGUYỄN THẾ THÁI	25/09/2006	*****84	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005290
814	NGUYỄN ĐỨC THÁI	26/06/1981	*****36	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007701
815	LÊ VĂN THÁI	19/05/1971	*****82	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	0016

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
816	HỒ CÔNG THANH	10/04/2001	*****94	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007928
817	ĐINH THỊ THANH	19/05/1966	*****01	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		005605
818	NGUYỄN THỊ THANH	17/07/1996	*****93	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006034
819	VI VĂN THANH	07/10/1982	*****16	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007106
820	NGUYỄN THỊ THANH	24/12/1995	*****59	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		007322
821	NGUYỄN THỊ THANH	20/03/1992	*****97	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007674
822	PHẠM VĂN THANH	05/07/1987	*****78	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1 Cm	0017
823	VƯƠNG ĐÌNH THANH	02/09/1984	*****60	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00219
824	NGUYỄN VĂN THANH	23/12/1992	*****76	Xã Trường Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00312
825	HỒ THỊ THÀNH	10/02/1979	*****45	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		002762
826	VỠ THỊ THÀNH	19/10/2006	*****91	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006631
827	LƯƠNG VĂN THÀNH	30/04/1969	*****18	Xã Mương Chộng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005293
828	ĐÀO VĂN THÀNH	20/06/1998	*****12	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		005445
829	LÊ TRUNG THÀNH	10/11/1992	*****38	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		007221
830	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	01/03/2001	*****95	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006398
831	TRƯƠNG XUÂN THÀNH	14/08/1997	*****40	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		006904
832	TRỊNH XUÂN THÀNH	22/06/2006	*****01	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00441

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
833	HOÀNG ĐỨC THÀNH	16/02/1988	*****47	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00274
834	NGUYỄN BÌNH THÀNH	08/03/1998	*****99	Phường Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	0018
835	TRẦN BÁ THÀNH	02/11/1994	*****33	Xã Tiên Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40765
836	SÂM NHƯ THAO	17/09/1989	*****33	Xã Mùong Ham, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	0048
837	NGUYỄN PHÚ THẢO	19/11/2003	*****37	Xã Thân Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		007386
838	NGUYỄN THỊ THẢO	21/11/2001	*****51	Xã Yên Kỳ, Tỉnh Phú Thọ	x	A1	007448
839	TRẦN THỊ THẢO	20/03/1995	*****03	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007675
840	THÁI THỊ KIM THẢO	01/11/1998	*****90	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		00329
841	LÊ NGỌC THẢO	13/09/1982	*****77	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00626
842	NGÂN THỊ THẨM	17/09/1982	*****86	Xã Mùong Ham, Tỉnh Nghệ An	x		005291
843	CAO HỒNG THẨM	12/02/1990	*****69	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00366
844	BÙI DUY THẮNG	24/09/1990	*****73	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		007581
845	NGUYỄN VĂN THẮNG	05/02/1990	*****99	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003415
846	LÊ VĂN THẮNG	01/09/1990	*****47	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00440
847	LÊ ĐỨC THẮNG	15/03/1975	*****04	Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội	x		00689
848	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	30/10/2000	*****57	Xã Kim Phú, Tỉnh Quảng Trị	x	Cm	00272
849	PHAN BÁ THẮNG	25/02/1992	*****28	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00218

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
850	LÊ VĂN THẮNG	24/02/2000	*****50	Phường Vũng Áng, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00664
851	BÙI THỨC THẮNG	06/10/1995	*****68	Xã Tuyên Lâm, Tỉnh Quảng Trị	x	Cm	00663
852	PHAN XUÂN THẮNG	12/11/1996	*****46	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40150
853	TRẦN HỮU THẮNG	12/06/1989	*****20	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41196
854	ĐẶNG CÔNG THẮNG	01/10/1985	*****82	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	39800
855	LÊ HỮU THẾ	07/07/1984	*****06	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00416
856	CAO ĐỨC THIÊN	23/02/2002	*****38	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001160
857	NGÔ VĂN THIÊN	10/02/1992	*****20	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007702
858	NGUYỄN DUY THIÊN	14/09/1994	*****37	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007745
859	HỒ VĂN THIÊN	10/07/1988	*****17	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		00550
860	TRẦN CÔNG THIẾT	20/03/1996	*****31	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00665
861	HỒ THỊ THÌN	17/07/1989	*****44	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004503
862	NGUYỄN HỒNG THỊNH	01/08/1995	*****00	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007108
863	NGUYỄN HỒNG THỊNH	18/08/1984	*****41	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		006776
864	NGUYỄN VĂN THỌ	03/04/1992	*****37	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00340
865	HOÀNG THỊ THOA	01/07/1988	*****87	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007649
866	LÔ VĂN THOẠI	24/04/1962	*****09	Xã Mừng Ham, Tỉnh Nghệ An	x		004726

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
867	TRẦN TƯ THOAN	01/03/1990	*****43	Xã Sơn Kim 2, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm A1	0049
868	CHU MINH THÔNG	29/11/1998	*****80	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006771
869	HOÀNG VĂN THÔNG	13/01/1989	*****28	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		003866
870	TRẦN TRUNG THÔNG	19/05/1982	*****10	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x		00137
871	ĐOÀN VĂN THÔNG	20/07/1984	*****07	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00528
872	NGÔ XUÂN THÔNG	27/09/1983	*****43	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007703
873	PHẠM HỮU THÔNG	07/10/1981	*****11	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00283
874	NGUYỄN TIẾN THÔNG	03/04/1986	*****08	Xã Yên Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40571
875	PHAN VĂN THỐNG	04/02/1988	*****84	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0051
876	HOÀNG ĐÌNH THỜI	12/11/1997	*****76	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0050
877	LƯƠNG THỊ THƠM	09/06/1979	*****95	Xã Châu Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005476
878	NGUYỄN THỊ THƠM	02/04/1996	*****37	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		00330
879	PHẠM THỊ THU	12/08/1973	*****29	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		006120
880	BÙI THỊ THU	10/11/1988	*****77	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003417
881	NGUYỄN THỊ THU	19/01/1991	*****40	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x		007422
882	NGUYỄN THỊ THU	17/02/1999	*****36	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00404
883	QUANG VĂN THUẬN	02/03/1994	*****66	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006713

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
884	NGUYỄN THỊ THUẬN	16/10/1987	*****55	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007650
885	NGUYỄN THỊ BÍCH THUẬN	20/11/1973	*****08	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00138
886	KHA VĂN THUẬN	12/08/1991	*****06	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		00158
887	BÙI VĂN THUẬN	12/05/1989	*****67	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	0019
888	TẶNG ĐỨC THUẬN	15/09/1990	*****23	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00221
889	HỒ DIÊN THUẬN	15/10/1986	*****81	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00220
890	VÕ VĂN THUẬN	10/04/1988	*****15	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00313
891	LÊ ĐÌNH THUẬN	10/10/1973	*****32	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	41146
892	HỒ THỊ THUẬT	25/09/1982	*****35	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x		006164
893	LÊ THỊ THÙY	23/11/1998	*****89	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00405
894	NGUYỄN HỮU THÙY	07/08/1992	*****68	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006176
895	BÙI THỊ THỦY	16/10/1980	*****28	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		00629
896	PHAN THỊ THU THỦY	21/07/1983	*****47	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		006313
897	LÊ THỊ THỦY	22/09/1996	*****86	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006442
898	NGUYỄN THỊ THỦY	01/03/1985	*****95	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00278
899	MAI THỊ THỦY	22/08/1976	*****95	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007679
900	TRẦN THỊ THỦY	30/09/1999	*****84	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		007626

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
901	PHAN XUÂN THỦY	30/04/1990	*****16	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		0086
902	MAI THỊ THÚY	20/10/1998	*****33	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		006016
903	NGUYỄN THỊ THÚY	17/10/1989	*****28	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		006982
904	NGUYỄN THỊ THÚY	25/08/1991	*****97	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00388
905	TRẦN THỊ THÚY	08/10/1992	*****02	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		007808
906	TRẦN VĂN THỰC	27/03/1979	*****21	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		002013
907	ĐẬU THỊ THƯƠNG	18/01/1981	*****63	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006600
908	PHẠM HOÀI THƯƠNG	02/02/1996	*****08	Xã Bình Minh, Tỉnh Đồng Nai	x	A1	004697
909	TRƯƠNG THỊ THƯƠNG	10/12/1995	*****77	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007625
910	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	01/10/1982	*****19	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		00568
911	LƯƠNG HOÀI THƯƠNG	12/09/2001	*****72	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00251
912	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	02/01/1984	*****15	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007049
913	TRỊNH VĂN THƯỜNG	10/01/1972	*****33	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00139
914	LÊ MẠC HÀ TRANG	18/07/1995	*****04	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003394
915	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	08/12/1987	*****66	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007199
916	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	10/10/1993	*****51	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007424
917	NGUYỄN THỊ TRANG	25/05/1995	*****67	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002222

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
918	BÙI THỊ HIẾU TRANG	15/02/2003	*****43	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		007161
919	ĐỒNG THỊ TRANG	25/06/1998	*****87	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007377
920	TRẦN THỊ TRANG	05/09/2000	*****02	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		007651
921	HOÀNG THỊ THANH TRANG	06/02/2001	*****37	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00407
922	NGUYỄN THỊ TRANG	20/06/1994	*****17	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005425
923	HOÀNG TRỌNG TRANG	16/10/1991	*****33	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00631
924	PHẠM VĂN TRÂM	11/12/1992	*****91	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007704
925	HỒ NGHĨA TRÍ	01/10/1971	*****91	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		00461
926	MAI MINH TRÍ	07/03/1992	*****53	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00224
927	THÁI VIỆT TRỊ	10/01/1995	*****84	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		006910
928	TRẦN ĐÌNH TRIỆU	15/10/1989	*****29	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		004737
929	NGUYỄN THỊ VIỆT TRINH	12/08/1999	*****76	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00724
930	HỒ THỊ MỸ TRINH	08/02/1993	*****09	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007888
931	HỒ HUY TRÌNH	01/11/1981	*****72	Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	006834
932	CAO TRỌNG TRÌNH	05/10/1985	*****93	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004738
933	BÙI VĂN TRỌNG	22/12/1978	*****53	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		006369
934	LÊ VĂN TRỌNG	29/11/1984	*****17	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	003898

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
935	NGUYỄN THẾ TRUNG	08/02/1967	*****81	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		007329
936	PHẠM VĂN TRUNG	28/06/1976	*****35	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		005699
937	CAO VĂN TRUNG	25/08/2003	*****63	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007245
938	NGUYỄN THẾ TRUNG	03/01/2003	*****98	Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	x		00260
939	PHAN VIỆT TRUNG	10/01/1995	*****99	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0021
940	TRẦN ĐỨC TRUNG	21/08/1994	*****27	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A1	00226
941	LÊ HẢI TRUNG	23/06/1994	*****59	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00225
942	TRƯƠNG VĂN TRUNG	25/01/1988	*****48	Xã Cẩm Lạc, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm A1	40371
943	NGUYỄN ĐĂNG TRUNG	16/03/1985	*****00	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	40370
944	HỒ SỸ TRUYỀN	29/09/2005	*****88	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		006764
945	NGUYỄN THỊ TRUYỀN	05/11/1986	*****95	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007652
946	ĐẶNG VĂN TRUYỀN	18/11/1969	*****16	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00498
947	NGUYỄN VĂN TRUYỀN	12/07/1981	*****09	Xã Tuyên Sơn, Tỉnh Quảng Trị	x	Cm	00668
948	HỒ VĂN TRƯƠNG	15/11/2003	*****07	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		005326
949	NGÔ THỊ TRƯỜNG	06/02/1986	*****95	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		007228
950	NGUYỄN THẾ TRƯỜNG	12/01/1993	*****15	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005627
951	TRẦN VĂN TRƯỜNG	05/08/1991	*****18	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007749

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
952	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	26/02/2001	*****73	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	0022
953	ĐOÀN VĂN TRƯỜNG	19/07/1991	*****47	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00271
954	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	15/05/1998	*****03	Xã Trường Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	0053
955	ĐINH XUÂN TRƯỜNG	10/08/1993	*****92	Xã Tuyên Sơn, Tỉnh Quảng Trị	x	Cm	00227
956	TRẦN VĂN TRƯỜNG	24/08/1997	*****02	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x	A1 Cm	40532
957	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	22/02/1998	*****32	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	Cm A.03	41200
958	TÔN NGUYỄN THỨ TRƯỜNG	05/11/2000	*****74	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	00228
959	TRẦN ĐÌNH UY	16/12/1994	*****10	Xã Sơn Kim 2, Tỉnh Hà Tĩnh	x	Cm	0028
960	VŨ TỐ UYÊN	16/08/1994	*****59	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00409
961	NGUYỄN HUY VĂN	27/12/1994	*****63	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1 Cm	40373
962	NGUYỄN THỊ VÂN	10/03/1990	*****93	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005330
963	PHẠM THỊ VÂN	16/11/1982	*****84	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007609
964	PHẠM THỊ VÂN	23/06/1977	*****92	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007490
965	NGUYỄN THỊ VÂN	09/01/1980	*****06	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00476
966	NGUYỄN THẢO VÂN	27/10/2000	*****80	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00119
967	HOÀNG THỊ VÂN	05/02/2000	*****57	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00410
968	TRẦN VĂN VÂN	07/03/1980	*****37	Xã Thành Lĩnh, Tỉnh Nghệ An	x		007706

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
969	HOÀNG THỊ VÂN	02/05/1985	*****59	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00160
970	TÔ CẢNH VI	17/11/1992	*****98	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006021
971	TRẦN VĂN VIỆT	26/11/1975	*****60	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		006970
972	TẦN LÊ VIỆT	11/03/1984	*****70	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		007357
973	NGUYỄN MINH VIỆT	29/07/2007	*****89	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		007284
974	NGUYỄN THÀNH VINH	01/08/2000	*****03	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007241
975	NGUYỄN VĂN VINH	10/11/1962	*****76	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		007213
976	TRẦN THỊ VINH	25/10/1978	*****75	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		00677
977	NGUYỄN VĂN VINH	10/06/2002	*****39	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00627
978	VÕ VĂN VINH	10/04/1982	*****77	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00230
979	THÁI VĂN VINH	29/01/1996	*****55	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00671
980	ĐINH VIỆT VINH	26/01/1998	*****15	Xã Trường Văn, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	40374
981	NGUYỄN VĂN VINH	02/02/1989	*****42	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	41194
982	NGUYỄN CẢNH VĨNH	06/10/1978	*****06	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		007205
983	NGUYỄN VĂN VĨNH	20/07/1969	*****17	Xã Trường Lâm, Tỉnh Thanh Hóa	x		007502
984	PHẠM CÔNG VŨ	02/02/1982	*****62	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		007032
985	ĐOÀN MINH VŨ	10/05/1998	*****32	Xã Phong Nha, Tỉnh Quảng Trị	x		00462

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
986	NGUYỄN HỮU VŨ	28/09/1997	*****98	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00268
987	ĐẶNG TUẤN VŨ	30/12/1993	*****26	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00318
988	LÊ QUANG VŨ	13/08/1991	*****66	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	89697
989	NGUYỄN ANH VƯƠNG	19/10/2002	*****91	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006529
990	TRẦN THỊ VƯƠNG	21/03/1990	*****58	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001184
991	NGUYỄN ĐÌNH VƯƠNG	19/08/1998	*****62	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	Cm	00344
992	NGUYỄN KHẮC VƯƠNG	29/07/2004	*****76	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007851
993	NGÔ THANH XUÂN	19/03/1963	*****99	Xã Bàu Cạn, Tỉnh Gia Lai	x		007426
994	NGUYỄN THỊ XUÂN	07/07/1987	*****65	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		006981
995	ĐẬU VĂN XUÂN	07/01/1976	*****30	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004364
996	LÊ THỊ XUÂN	25/05/1991	*****12	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		007628
997	LÊ VĂN XUÂN	09/12/1966	*****28	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		00411
998	NGUYỄN VIỆT XUÂN	15/11/1971	*****70	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007725
999	TRƯƠNG ĐỨC XUÂN	11/06/2005	*****43	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00545
1000	VŨ THỊ XUYẾN	01/03/1986	*****73	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00371
1001	NGUYỄN THỊ HỒNG Ý	21/05/1977	*****90	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		004222
1002	PHẠM VĂN YÊN	11/03/1983	*****91	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007054

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1003	PHẠM XUÂN YÊN	02/01/1984	*****39	Phường Hải Lĩnh, Tỉnh Thanh Hóa	x	Cm	00319
1004	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	09/06/1992	*****62	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		004274
1005	HỒ THỊ HẢI YẾN	06/02/2003	*****55	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		00551

**DANH SÁCH THÍ SINH CÓ GIẤY PHÉP LÁI XE QUÁ THỜI HẠN SỬ DỤNG
DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

(Kèm theo Quyết định số: 1410/QĐ-CAT-PC08 ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Công an tỉnh Nghệ An)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn GPLX	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch
1	NINH TUẤN ANH	09/10/1981	*****04	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	CE	400155020346	Nghệ An	12/06/2025	Quá hạn	SH lại LT
2	NGUYỄN THÊ ANH	25/04/1986	*****77	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	CE	310153021866	Nghệ An	29/07/2024	Quá hạn	SH lại LT+H+ĐT
3	MAI THANH HẢI	12/11/1973	*****97	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	CE	400110003920	Nghệ An	20/10/2024	Quá hạn	SH lại LT+H+ĐT
4	TRẦN VĂN HẢO	16/01/1991	*****08	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	CE	010142033190	Nghệ An	01/10/2025	Quá hạn	SH lại LT
5	TRƯƠNG VĂN HỢP	27/02/1981	*****22	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	CE	400108000292	Nghệ An	24/11/2025	Quá hạn	SH lại LT
6	TRƯƠNG VĂN HÙNG	27/03/1985	*****86	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	CE	400103005076	Nghệ An	03/07/2025	Quá hạn	SH lại LT
7	NGUYỄN VĂN LINH	02/02/1990	*****38	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	A1,CE	400156013174	Hải Phòng	19/04/2022	Quá hạn	SH lại LT+H+ĐT
8	TRẦN VÕ MẢO	17/10/1987	*****11	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	CE	400100001239	Nghệ An	17/12/2025	Quá hạn	SH lại LT
9	TÔN VĂN PHƯƠNG	30/09/1984	*****27	Xã Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	A1,CE	420147000259	Hải Phòng	16/03/2020	Quá hạn	SH lại LT+H+ĐT
10	NGÔ SỸ QUÂN	17/05/1989	*****11	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	CE	310166840148	Nghệ An	22/02/2026	Quá hạn	SH lại LT
11	THÁI ANH TÀI	07/07/1987	*****63	Xã Vinh Tường, Tỉnh Nghệ An	CE	400094012800	Nghệ An	14/12/2025	Quá hạn	SH lại LT
12	ĐẬU ĐỨC TÂM	09/08/1974	*****46	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	CE	790108012134	Hồ Chí Minh	19/01/2026	Quá hạn	SH lại LT
13	TRẦN DOÃN TOÀN	01/05/1981	*****37	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	CE	400097000987	Hải Phòng	17/12/2025	Quá hạn	SH lại LT
14	NGUYỄN TỰ THÁI	10/04/1992	*****30	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	CE	790151254648	Hồ Chí Minh	03/03/2022	Quá hạn	SH lại LT+H+ĐT